

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;

Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Hồng Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Út Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Hồ Thị N, sinh năm 1989;

Cư trú tại: Tổ 12, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Bị đơn: anh Bùi Văn C, sinh năm 1986;

Cư trú tại: Tổ 12, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Hồ Thị N trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Bùi Văn C chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 31/12/2009, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống anh C thường xuyên không quan tâm đến gia đình, nhiều lần chửi bới đánh đập chị. Tháng 9/2021 anh C nghe bạn bè nói chị ngoại tình nên về đánh đập, lấy dao đòi cắt cổ, lấy dây thắt lưng, cây đánh đập chị 03 ngày, chị có báo công an xã vào để giải quyết. Sau sự việc đó

anh C không đánh chị nữa nhưng thường xuyên về quậy phá, đập đồ đạc trong nhà. Do không chịu nổi nên chị đã về quê từ ngày 25/5/2022. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C.

Về con chung: vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Bùi Quế A, sinh ngày 07/5/2010 và Bùi Anh M, sinh ngày 01/10/2017. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 6 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Bùi Văn C trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với chị N về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn là đúng. Cuối năm 2020 nghe bạn nói vợ anh ngoại tình nên anh đã về nhà đánh đập và chửi bới chị N. Sau đó anh biết thông tin vợ ngoại tình không phải sự thật nhưng cuộc sống vợ chồng không còn như trước, anh đối xử lạnh nhạt và tệ bạc với chị N. Anh thừa nhận có đánh vợ và quậy khoảng 05 ngày, chị N không chịu nổi nên đã bỏ về quê. Anh đã nhiều lần khuyên can, níu kéo nhưng chị N vẫn cương quyết nên anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: anh thống nhất có hai con chung như chị N trình bày. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Bùi Quế A, sinh ngày 07/5/2010. Anh đồng ý giao cháu Bùi Anh M, sinh ngày 01/10/2017 cho chị N nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con và cũng không cấp dưỡng nuôi con cho chị N.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Hồ Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Bùi Văn C đồng ý ly hôn với chị Hồ Thị N; yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Bùi Quế A, đồng ý giao cháu Bùi Anh M cho chị Hồ Thị N nuôi dưỡng; không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hồ Thị N, chị Hồ Thị N được ly hôn với anh Bùi Văn C.

Về con chung: giao cháu Bùi Quế A, sinh ngày 07/5/2010 và cháu Bùi Anh M, sinh ngày 01/10/2017 cho chị Hồ Thị N nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Hồ Thị N không yêu cầu anh Bùi Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Hồ Thị N và anh Bùi Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Hồ Thị N chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Hồ Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: chị Hồ Thị N và anh Bùi Văn C tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vào ngày 31/12/2009. Căn cứ quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị N thấy rằng: anh Bùi Văn C tự nguyện đồng ý ly hôn với chị Hồ Thị N nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Hồ Thị N và anh Bùi Văn C.

[3] Về nuôi con chung: chị Hồ Thị N và anh Bùi Văn C có 02 con chung là cháu Bùi Quế A, sinh ngày 07/5/2010 và Bùi Anh M, sinh ngày 01/10/2017. Chị Hồ Thị N và anh Bùi Văn C đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Bùi Quế A, còn cháu Bùi Anh M anh C tự nguyện giao cho chị N nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Bùi Quế A là con gái, cháu có nguyện vọng được sống với chị Nguyệt nên giao chị Hồ Thị N nuôi dưỡng hai cháu Bùi Quế A, sinh ngày 07/5/2010 và Bùi Anh M, sinh ngày 01/10/2017 là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các cháu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Hồ Thị N và anh Bùi Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: chị Hồ Thị N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị N và anh Bùi Văn C.

2. Về nuôi con chung: giao chị Hồ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Bùi Quế A, sinh ngày 07/5/2010 và Bùi Anh M, sinh ngày 01/10/2017. Ghi nhận chị Hồ Thị N không yêu cầu anh Bùi Văn C dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Hồ Thị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Bùi Văn C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ghi nhận chị Hồ Thị N và anh Bùi Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Hồ Thị N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hồ Thị N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003856 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Hồ Thị N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: anh Bùi Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Hồ Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

